

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TÀI
Số: 69/2005/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TÀI
***Ban hành "Quy định về việc xây dựng, công bố công lệnh tốc độ,
công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia"***
BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TÀI

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 216/2003/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1891/2003/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường sắt Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về việc xây dựng, công bố công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Về việc xây dựng, công bố công lệnh tốc độ,
công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia
(Ban hành kèm theo Quyết định số 69 ngày 09 tháng 12 năm 2005
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc xây dựng, công bố công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, công bố công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu trên đường sắt quốc gia.
- Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với Quy định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt** là khả năng thông qua của kết cấu hạ tầng, được xác định bởi các yếu tố tải trọng trục, tải trọng rải đều; tốc độ chạy tàu lớn nhất trên một đoạn tuyến đường sắt; năng lực thông qua của nhà ga, của hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt.
- Công lệnh tốc độ** là quy định về tốc độ tối đa cho phép phương tiện giao thông đường sắt chạy trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt.
- Công lệnh tải trọng** là quy định về tải trọng tối đa cho phép trên một trục của phương tiện giao thông đường sắt và tải trọng rải đều tối đa cho phép theo chiều dài của phương tiện giao thông đường sắt được quy định trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt.

4. *Biểu đồ chạy tàu* là cơ sở của việc tổ chức chạy tàu, được xây dựng hàng năm, hàng kỳ và theo mùa cho từng tuyến và toàn mạng lưới đường sắt. Biểu đồ chạy tàu phải thể hiện được số lượng đôi tàu, việc vận dụng đầu máy, toa xe, ga tác nghiệp và thời gian chạy tàu trên các khu gian trong một ngày đêm trên một đoạn tuyến, một khu đoạn, một tuyến đường sắt.

5. *Thời gian chạy tàu lữ hành* là thời gian chạy tàu tính từ ga xuất phát đến ga cuối cùng, bao gồm cả thời gian chạy trên đường và thời gian dừng để tránh vượt, làm tác nghiệp kỹ thuật, tác nghiệp hành khách, hàng hoá.

6. *Tác nghiệp kỹ thuật* là các tác nghiệp phục vụ cho đoàn tàu chạy an toàn và bảo đảm chất lượng phục vụ.

Điều 4. Giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt

1. Giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt nhằm bảo đảm cho việc xây dựng và công bố công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu được thực hiện đúng Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt có quyền yêu cầu các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt, tổ chức có liên quan báo cáo, giải trình về những vấn đề có liên quan trong việc xây dựng, công bố, thực hiện công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng, biểu đồ chạy tàu; khi phát hiện có vi phạm, có quyền yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục, sửa đổi.

3. Cục Đường sắt Việt Nam là tổ chức giúp Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt, được Bộ trưởng giao chủ trì việc giám sát thực hiện Quy định này, có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng kết quả giám sát.

Chương II

XÂY DỰNG, CÔNG BỐ CÔNG LỆNH

TỐC ĐỘ, CÔNG LỆNH TẢI TRỌNG

Điều 5. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Bảo đảm trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt ổn định, đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm an toàn chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.

2. Định kỳ hàng năm, lập báo cáo về năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt và kế hoạch sửa chữa, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp. Báo cáo được gửi về Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Cục đường sắt Việt Nam.

3. Chịu trách nhiệm về việc bảo đảm tốc độ chạy tàu, tải trọng trục, tải trọng rải đều đã được công bố trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn và tuyến đường sắt trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp.

Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt

1. Tổ chức chạy tàu theo đúng công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã công bố.
2. Cung cấp các thông tin về nhu cầu vận tải, năng lực phương tiện, thiết bị vận tải phục vụ cho việc xây dựng công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng, kế hoạch đầu tư nâng cấp, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng đường sắt.

Điều 7. Trách nhiệm của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

1. Bảo đảm trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt ổn định, đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm an toàn chạy tàu trên đường sắt quốc gia.
2. Xây dựng và công bố công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng trên đường sắt quốc gia.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và khả thi của công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng đã được công bố.

Điều 8. Yêu cầu của công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng

1. Bảo đảm an toàn giao thông vận tải, tốc độ chạy tàu tối đa, tải trọng trục, tải trọng rải đều ổn định trong kỳ công bố và phù hợp với năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt.
2. Hạn chế số lượng điểm biến đổi tốc độ trong một khu gian.
3. Chiều dài mỗi dải tốc độ trên tuyến phải bảo đảm không ngắn hơn 800m (trừ các điểm chạy chậm cố định).
4. Tải trọng trục, tải trọng rải đều quy định cho mỗi loại đầu máy, toa xe và đoàn tàu phải đồng nhất trong một khu đoạn.

Điều 9. Nội dung cơ bản trong công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng

1. Nội dung cơ bản trong công lệnh tốc độ gồm có:

a) Bảng tốc độ chạy tàu:

- Tốc độ chạy tàu lớn nhất tính từ lý trình này đến lý trình tiếp theo trên các tuyến đường sắt;

- Điểm thay đổi tốc độ có ghi rõ lý trình, vị trí thay đổi tốc độ;

- Điểm chạy chậm, tốc độ chạy chậm, lý trình khoảng cách phải chạy chậm, bán kính đường cong, tên gọi theo địa danh (nếu có).

b) Các thông tin khác có liên quan về cầu, đường, đầu máy, toa xe, đoàn tàu để hướng dẫn thực hiện công lệnh tốc độ.

2. Nội dung cơ bản trong công lệnh tải trọng gồm có:

a) Tải trọng trục;

b) Tải trọng rải đều;

c) Các loại đầu máy được phép chạy đơn, chạy ghép trên từng cầu, đoạn, khu gian, khu đoạn, tuyến đường sắt;

d) Các thông tin khác có liên quan để hướng dẫn thực hiện công lệnh tải trọng.

Điều 10. Trình tự xây dựng công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng

1. Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam căn cứ vào báo cáo hàng năm của các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt quy định tại Điều 5, Điều 6 của Quy định này, rà soát tính chính xác của các thông tin về năng lực của kết cấu hạ tầng đường sắt, đặc tính kỹ thuật của đầu máy, toa xe vận dụng trên toàn mạng lưới đường sắt quốc gia, xây dựng dự thảo công lệnh tốc độ, dự thảo công lệnh tải trọng gửi các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt, tổ chức có liên quan để tham gia ý kiến.

2. Chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo công lệnh tốc độ, dự thảo công lệnh tải trọng, các tổ chức có ý kiến góp ý bằng văn bản đối với Dự thảo gửi Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

3. Sau khi có ý kiến tham gia, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng và công bố.

4. Công lệnh tốc độ, công lệnh tải trọng được gửi tới cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đường sắt, các doanh nghiệp kinh doanh đường sắt, tổ chức có liên quan